

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÓM TẮT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 02-DNBH**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		1.297.830.078.244	1.069.750.856.581
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		91.359.156.472	62.249.714.859
3. Các khoản giảm trừ:	03		348.132.285.912	281.395.683.752
4. Tăng dự phòng phí	08	6	106.207.947.625	53.831.818.299
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		83.045.282.502	59.702.055.718
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	10		15.162.847.223	5.173.480.100
<b>7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>1.033.057.130.904</b>	<b>861.648.605.207</b>
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		517.536.734.158	396.429.212.609
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		27.777.823.751	41.561.807.419
10. Các khoản giảm trừ:	17		78.051.700.304	61.421.446.255
<b>11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại</b>	<b>21</b>		<b>467.262.857.605</b>	<b>376.569.573.773</b>
12. Tăng dự phòng bồi thường	23	6	1.020.599.000	14.336.519.664
13. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	6	31.715.468.714	25.649.710.276
14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	25		177.522.498.343	159.915.515.998
<b>15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>41</b>		<b>677.521.423.662</b>	<b>576.471.319.711</b>
<b>16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>42</b>		<b>355.535.707.242</b>	<b>285.177.285.496</b>
17. Chi phí bán hàng	43		145.341.446.536	110.334.649.365
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		208.326.626.646	173.486.819.005
<b>19. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>45</b>		<b>1.867.634.060</b>	<b>1.355.817.126</b>
20. Doanh thu hoạt động tài chính	46		58.944.759.365	82.042.581.569
21. Chi phí hoạt động tài chính	47		3.861.978.012	29.097.857.856
<b>22. Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>	<b>51</b>		<b>55.082.781.353</b>	<b>52.944.723.713</b>
23. Thu nhập hoạt động khác	52		84.422.711.647	54.030.816.723
24. Chi phí hoạt động khác	53		83.754.094.005	53.331.107.263
<b>25. Lợi nhuận hoạt động khác</b>	<b>54</b>		<b>668.617.642</b>	<b>699.709.460</b>
<b>26. Tổng lợi nhuận kế toán</b>	<b>55</b>		<b>57.619.033.055</b>	<b>55.000.250.299</b>
27. Điều chỉnh (giảm) lợi nhuận chịu thuế	56		(7.508.851.400)	(10.953.371.904)
<b>28. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>59</b>		<b>50.110.181.655</b>	<b>44.046.878.395</b>
29. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60		12.527.545.414	12.410.590.724
<b>30. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>61</b>		<b>45.091.487.641</b>	<b>42.589.659.575</b>
31. Lãi trên cơ phiếu	70		1.346	1.335



Nguyễn Anh Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2010

Đinh Kiều Trang  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Các thuyết minh từ trang 05 đến trang 10 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tóm tắt